

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NĂM 2026 CẬP NHẬT [\[1\]](#)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 545/QĐ-HVPNVN ngày 21/5/2026 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tên tiếng Anh: Vietnam Women's Academy (VWA).

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh

Mã trụ sở chính đào tạo tại Hà Nội: HPN

Mã phân hiệu đào tạo tại Hồ Chí Minh: SPN

3. Địa chỉ

Trụ sở chính Hà Nội: số 68 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Cơ sở Gia Lâm: Đường Kiều Ky, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Phân hiệu đào tạo tại Hồ Chí Minh: Số 620 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

– Website: <http://hvpnv.edu.vn/>, <https://tuyensinh.hvpnv.edu.vn/>, <https://phhvpnv.edu.vn/>.

– Fanpages: <https://www.facebook.com/Hocvienphunu/>,
<https://www.facebook.com/PhanhieuHocvienPhunuVietNam>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

Trụ sở chính tại Hà Nội: 0243.775.1750

Phân hiệu tại Hồ Chí Minh: 0283.731.4056

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh

– Website: <http://hvpnv.edu.vn/>, <https://tuyensinh.hvpnv.edu.vn/>, <https://phhvpnv.edu.vn/>.

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo [\[2\]](#)

– Website Trụ sở chính tại Hà Nội: <https://hvpnv.edu.vn/gioi-thieu/3-cong-khai/cong-khai-dieu-kien-dam-bao-clgd/>.

– Website Phân hiệu tại Hồ Chí Minh: <https://phhvpnv.edu.vn/ve-vwah/3-cong-khai/>

8. Tra cứu và tham khảo các ngành, chương trình đào tạo tuyển sinh

II. Tuyển sinh đại học

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức là người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển được đề cập tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 6;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị hạn chế các quyền dân sự liên quan đến việc học tập;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

** Trong trường hợp đối tượng dự tuyển là người khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Học viện sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.*

** Đối với các đối tượng diện dự bị đại học thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện (mục 6.2.5).*

1.3. Nguồn tuyển

Thí sinh xét tuyển các phương thức (trừ thí sinh đặc cách xét tốt nghiệp, thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng và thí sinh quy định tại khoản 3, khoản 4 điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT) phải đáp ứng các điều kiện: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) theo tổ hợp xét tuyển (môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) phải ≥ 15.0 điểm trên thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026.

Lưu ý: Điều kiện xét tuyển cụ thể của từng phương thức quy định tại mục 6.2.

2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Học viện Phụ nữ Việt Nam tuyển sinh theo các phương thức sau:

- *Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy chế tuyển sinh Học viện Phụ nữ Việt Nam – Mã 301.*
- *Phương thức 2 (PT2): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 – Mã 100.*

- *Phương thức 3 (PT3): Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Mã 200.*
- *Phương thức 4 (PT4): Xét kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – Mã 402SPT, do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2026 – Mã 402HSA.*
- *Phương thức 5 (PT5): Sử dụng phương thức khác – Mã 500 (áp dụng cho đối tượng dự bị đại học).*

Học viện dành 3% số lượng tuyển sinh đã công bố cho phương thức xét tuyển thẳng và 97% số lượng tuyển sinh đã công bố cho phương thức còn lại. Trong trường hợp phương thức xét tuyển thẳng tuyển không đủ số lượng tuyển sinh đã công bố thì số lượng tuyển sinh còn lại được chuyển sang cho các phương thức xét tuyển còn lại.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

4. Số lượng tuyển sinh

4.1. Số lượng tuyển sinh đại học năm 2026

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
I	Đào tạo tại Hà Nội (Mã trường HPN)						
1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	170	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	– <i>Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT</i>
2	7340101E	Quản trị kinh doanh (Chất	7340101	Quản trị kinh doanh	30	A00, A01, C00, C03, D01,	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
		lượng cao)				D14, D15	và Quy chế tuyển
3	7380101	Luật	7380101	Luật	200	A00, A01, C00, D01, D14, D15	sinh Học viện Phụ nữ Việt Nam – Mã 301.
4	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	200	A00, A01, C00, D01, D14, D15	– Phương thức 2 (PT2): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 – Mã 100.
5	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	140	A00, A01, D01, D09, X06, X26	– Phương thức 3 (PT3): Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
6	74802011	Thiết kế và phát triển Game [3]	7480201	Công nghệ thông tin	70	A00, A01, D01, D09, X06, X26	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
7	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	150	C00, C03, D01, D14, D15	– Mã 200. – <i>Phương thức 4 (PT4):</i>
8	77601011	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội [4]	7760101	Công tác xã hội	80	C00, C03, D01, D14, D15	<i>Xét kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – Mã 402SPT, do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2026 – Mã 402HSA.</i>
9	7310399	Giới và Phát triển	7310399	Giới và Phát triển	150	C00, C03, D01, D09, D14, D15	– <i>Phương thức 5 (PT5):</i>
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	250	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	<i>Sử dụng phương thức</i>
11	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	130	C00, C03, D01, D14, D15	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
12	73201041	Truyền thông xã hội [5]	7320104	Truyền thông đa phương tiện	70	C00, C03, D01, D14, D15	<i>khác – Mã 500 (áp dụng cho đối tượng dự bị đại học).</i>
13	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	215	A00, A01, C03, D01, D07, X26	
14	7310101E	Kinh tế (Chất lượng cao)	7310101	Kinh tế	35	A00, A01, C03, D01, D07, X26	
15	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	230	C00, C03, D01, D14, D15	
16	7310109	Kinh tế số	7310109	Kinh tế số	240	A00, A01, C03, D01,	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
						D07, X26	
17	7340115	Marketing	7340115	Marketing	190	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	
II	Đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh (Mã trường SPN)						
1	7760101PH	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	70	C00, C03, D01, D14, D15	
2	7810103PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	70	A00, A01, C00, C03, D01, D14, D15	
	Tổng				2690		

4.2. Mã tổ hợp xét tuyển:

STT	Tổ hợp	Các môn/bài thi trong tổ hợp
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
4	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
5	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
6	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
7	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
8	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
9	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
10	X06	Toán, Vật lý, Tin học
11	X26	Toán, Tiếng Anh, Tin học

5. Các thông tin cần thiết khác về điều kiện phụ trong xét tuyển, điểm cộng, tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Học viện không áp dụng các điều kiện phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5.2. Điểm cộng

Điểm cộng bao gồm điểm thưởng đối với thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng; điểm xét thưởng đối với thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế (nếu có).

Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển.

5.2.1. Điểm thưởng (theo thang điểm 30) đối với thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng.

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế có liên quan đến các ngành đào tạo của Học viện do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển được cộng 3.0 điểm.

5.2.2. Điểm xét thưởng (theo thang điểm 30) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt.

Thành tích	Giải	Điểm khuyến khích
Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia ; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.	Khuyến khích	1.50 điểm
Thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương	Nhất	1.50 điểm
	Nhì	1.25 điểm
	Ba	1.0 điểm

5.2.3. Điểm khuyến khích (theo thang điểm 30) đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế; Chứng chỉ quốc tế SAT

Số TT	Chứng chỉ tiếng Anh							Chứng chỉ quốc tế SAT	Điểm khuyến khích
	IELTS	TOEFL ITP	TOEFL iBT	TOEIC					
				Nghe	Đọc	Nói	Viết		
1	Từ 7.0 trở lên	Từ 627 trở lên	Từ 94 trở lên	Từ 490	Từ 455	Từ 180	Từ 180 trở lên	≥ 1400	1.50 điểm

				trở lên	trở lên	trở lên			
2	6.5	584- 626	78-93	458- 485	429- 450	168- 170	164 - 170	1301- 1399	1.00 điểm
3	6.0	542- 583	62-77	429- 457	407- 428	164- 167	157- 163	1201- 1300	0.75 điểm
4	5.5	500- 541	46-61	400- 428	385- 406	160 - 163	150- 156	1101- 1200	0.5 điểm
5	5.0	450- 499	30-45	275- 395	275- 380	120- 150	120- 140	1000 – 1100	0.25 điểm

***Lưu ý:**

- Đối với những thí sinh có thành tích đặc biệt, môn đoạt giải phải thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển vào ngành đào tạo của Học viện.
- Học viện không chấp nhận với tất cả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có hình thức thi “Home Edition”.
- Chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.
- Trường hợp thí sinh có nhiều đầu điểm cộng, thì tổng các điểm cộng chỉ được tính tối đa 3.0 điểm.

5.2.4. Điểm cộng khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên

Điểm cộng khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên thực hiện theo Điều 7, Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

Học viện xây dựng các ngành đào tạo, chương trình đào tạo trên cơ sở quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng cụ thể đối với từng ngành/chương trình, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với nhu cầu/mong muốn của người học, phát triển các thế mạnh, điều kiện đặc thù riêng của Học viện nhằm cung cấp các chương trình đào tạo hiện đại, chất lượng, đặc thù, mang màu sắc riêng của Học viện[6].

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển

– Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

– Đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh, Chứng chỉ SAT, chứng nhận đạt giải học sinh giỏi các môn văn hóa để cộng điểm: Học viện sẽ có thông báo sau.

6.2. Điều kiện xét tuyển

6.2.1. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy chế tuyển sinh Học viện Phụ nữ Việt Nam – Mã 301.

Đối tượng xét tuyển thẳng gồm:

(1) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Học viện quy định.

(2) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế có liên quan các ngành đào tạo của Học viện do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

(3) Giám đốc Học viện căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

* Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT;

* Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

– Điều kiện xét tuyển:

+ Đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT (trình độ tiếng Việt tương đương B2 (Bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ GD&ĐT).

+ Tại thời điểm xét tuyển, căn cứ vào chương trình đào tạo, hồ sơ năng lực của thí sinh và số lượng tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xem xét quyết định nhận vào học.

* Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ

– Điều kiện xét tuyển:

+ Thí sinh đạt hạnh kiểm Tốt cả năm lớp 10, 11 và 12.

+ Tại thời điểm xét tuyển, căn cứ vào chương trình đào tạo, hồ sơ năng lực của thí sinh và số lượng tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xem xét quyết định nhận vào học.

* Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

– Điều kiện xét tuyển:

+ Thí sinh đạt hạnh kiểm Tốt cả năm lớp 10, 11 và 12.

+ Tại thời điểm xét tuyển, căn cứ vào chương trình đào tạo, hồ sơ năng lực của thí sinh và số lượng tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xem xét quyết định nhận vào học.

Lưu ý: Đối với chương trình Quản trị kinh doanh chất lượng cao, Kinh tế chất lượng cao thí sinh phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

– Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển).

– Có điểm trung bình kết quả học tập 03 năm lớp 10, 11, 12 môn tiếng Anh ≥ 8.0 điểm (*Bảng chữ: tám phẩy không*).

– Có điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh đáp ứng ngưỡng đầu vào theo thông báo của Học viện và kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

6.2.2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 – Mã 100.

– Ngưỡng cụ thể của từng chương trình Học viện sẽ thông báo trong Thông báo tuyển sinh tại thời điểm tổ chức xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; một số quy định cụ thể đối với một số chương trình như sau:

+ Đối với chương trình Luật và Luật Kinh tế điểm thi môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải ≥ 6.0 điểm (*Bảng chữ: sáu phẩy không*) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp ĐKXT phải ≥ 18.0 điểm.

+ Đối với chương trình Công nghệ thông tin và chương trình Thiết kế và phát triển Game, điểm thi môn Toán trong các tổ hợp ĐKXT quy định theo Thông báo của Học viện và kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

+ Đối với chương trình Quản trị kinh doanh chất lượng cao, Kinh tế chất lượng cao thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm

quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển) hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh đáp ứng ngưỡng đầu vào theo thông báo của Học viện và kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

Quy định về cách tính điểm xét tuyển phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (thang điểm 30) như sau:

Điểm xét tuyển = (Môn thi 1 + Môn thi 2 + Môn thi 3) + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

– Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để miễn thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ, điểm quy đổi môn ngoại ngữ theo tổ hợp xét tuyển được quy định như sau:

Bảng quy đổi điểm môn ngoại ngữ đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để miễn thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ

Số TT	Chứng chỉ tiếng Anh							Điểm quy đổi
	IELTS	TOEFL ITP	TOE FL iBT	TOEIC				
				Nghe	Đọc	Nói	Viết	
1	Từ 7.0 trở lên	Từ 627 trở lên	Từ 94 trở lên	Từ 490 trở lên	Từ 455 trở lên	Từ 180 trở lên	Từ 180 trở lên	10.0 điểm
2	6.5	584-626	78-93	458-485	429-450	168-170	164 -170	9.5 điểm
3	6.0	542-583	62-77	429-457	407-428	164-167	157-163	9.0 điểm
4	5.5	500-541	46-61	400-428	385-406	160 -163	150-156	8.0 điểm
5	5.0	450-499	30-45	275-395	275-380	120-150	120-140	7.0 điểm

Lưu ý: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển đại học phải nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trực tuyến và trực tiếp về Học viện để xét quy đổi điểm xét tuyển theo thời gian quy định. Học viện sẽ có thông báo cụ thể tại thời điểm tổ chức xét tuyển.

6.2.3. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Mã 200.

– Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 (không xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026).

– Thí sinh đạt hạnh kiểm Tốt và có tổng điểm trung bình chung kết quả học tập 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của năm lớp 10, 11, 12 đạt ngưỡng cụ thể của từng chương trình. Học viện sẽ thông báo trong Thông báo tuyển sinh tại thời điểm tổ chức xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; quy định cụ thể đối với một số chương trình như sau:

– Đối với chương trình Luật và Luật Kinh tế:

+ Kết quả trung bình học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp ĐKXT phải ≥ 18.0 điểm hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) phải ≥ 8.5 điểm.

+ Điểm trung bình chung học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải ≥ 6.0 điểm (*Bằng chữ: sáu phẩy không*) và điểm trung bình chung kết quả học tập 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của cả năm lớp 10, 11, 12 phải ≥ 18.0 điểm.

– Đối với chương trình Công nghệ thông tin và chương trình Thiết kế và phát triển Game, điểm trung bình chung học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Toán trong các tổ hợp ĐKXT phải ≥ 7.0 điểm (*Bằng chữ: bảy phẩy không*).

+ Đối với chương trình Quản trị kinh doanh chất lượng cao, Kinh tế chất lượng cao thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển) hoặc có điểm trung bình kết quả học tập 03 năm lớp 10, 11, 12 môn tiếng Anh ≥ 8.0 điểm (*Bằng chữ: tám phẩy không*).

– Quy định về cách tính điểm xét tuyển phương thức xét kết quả học tập THPT (thang điểm 30) như sau:

Điểm xét tuyển = (ĐTB Môn 1 + ĐTB Môn 2 + ĐTB Môn 3) + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ ĐTB: Điểm trung bình;

+ ĐTB môn = (Điểm cả năm lớp 10 + Điểm cả năm lớp 11 + Điểm cả năm lớp 12)/3.

6.2.4. Xét kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT), Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) tổ chức năm 2026 – Mã 402.

– Học viện sẽ thông báo ngưỡng cụ thể của phương thức trong thông báo tuyển sinh tại thời điểm tổ chức xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; quy định cụ thể đối với một số chương trình như sau:

– Đối với chương trình Luật và Luật Kinh tế

+ Kết quả trung bình học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp ĐKXT phải ≥ 18.0 điểm hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) phải ≥ 8.5 điểm.

+ Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức: Điểm thi môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn của các tổ hợp ĐKXT phải ≥ 6.0 điểm (*Bằng chữ: sáu phẩy không*), và tổng điểm 03 môn thi đánh giá năng lực theo tổ hợp ĐKXT ≥ 18.0 điểm.

+ Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức: Theo hướng dẫn quy định của Bộ GD&ĐT.

– Đối với chương trình Công nghệ thông tin và chương trình Thiết kế và phát triển Game, điểm thi môn Toán trong các tổ hợp ĐKXT quy định theo Thông báo của Học viện và kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

– Đối với chương trình Quản trị kinh doanh chất lượng cao, Kinh tế chất lượng cao thí sinh phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam (Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển)

+ Có điểm thi đánh giá năng lực đáp ứng ngưỡng đầu vào theo thông báo của Học viện và kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

Học viện sẽ quy định về cách tính điểm trong Thông báo sau.

6.2.5. Sử dụng phương thức khác – Mã 500 (áp dụng cho đối tượng dự bị đại học).

– Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, hoàn thành chương trình dự bị đại học và có tổng điểm trung bình chung kết quả học tập THPT 03 môn thuộc tổ hợp ĐKXT của năm lớp 10, 11, 12 đạt ngưỡng đầu vào do Học viện công bố trong thông báo tuyển sinh.

– Có văn bản của trường nơi học sinh học dự bị đại học và hồ sơ của học sinh gửi về Học viện để xét tuyển.

+ Đối với chương trình Quản trị kinh doanh chất lượng cao, Kinh tế chất lượng cao thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dành cho Việt Nam

(Chi tiết tại Mẫu số 1 Phụ lục I, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền theo quy định của Bộ GD&ĐT và còn thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký xét tuyển) hoặc có điểm trung bình kết quả học tập 03 năm lớp 10, 11, 12 môn tiếng Anh ≥ 8.0 điểm (*Bảng chữ: tám phẩy không*).

*** Nguyên tắc xét tuyển:**

- Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.
- Học viện xét theo điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.
- Học viện đảm bảo nguyên tắc xét tuyển của thí sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.
- Đối với phương thức 2, phương thức 3 và phương thức 4 việc xác định mức điểm chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp sẽ căn cứ dựa trên công bố của Bộ GD&ĐT và Học viện sẽ có thông báo sau.
- Học viện không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên cho thí sinh có chứng chỉ nghề.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Xét tuyển thẳng

Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy chế tuyển sinh Học viện Phụ nữ Việt Nam, cụ thể tại mục 6.2.1.

7.2. Chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng ưu tiên

Chính sách ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng chính sách thực hiện theo Điều 7, Thông tư 06/VBHN-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

*** Lưu ý:**

- Điểm ưu tiên theo quy định Học viện khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm. Thời gian áp dụng không quá 2 năm sau khi thí sinh tốt nghiệp.
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}.$$

Trong đó: Tổng điểm đạt được = Tổng điểm xét tuyển + điểm cộng (nếu có)

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh:

- Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Lệ phí rà soát hồ sơ tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí xác minh chứng chỉ/ chứng nhận đầu vào: 200.000 đồng/chứng chỉ.

9. Học viện thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Học viện.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Theo quy định của Nhà nước cho các trường đại học công lập: Dự kiến 550.000 – 605.000 VNĐ/tín chỉ hệ đại học chính quy (tùy thuộc từng ngành/ chương trình đào tạo). Học phí có sự điều chỉnh theo năm học, theo quy định của Nhà nước đối với các trường tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên.

10.2. Ký túc xá

Học viện tại Hà Nội: 980 chỗ nội trú (660 chỗ tại trụ sở chính, 320 chỗ tại cơ sở Gia Lâm).
Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh: 812 chỗ nội trú.

10.3. Chế độ ưu đãi của Học viện

- Sinh viên thuộc các đối tượng ưu tiên được hưởng các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội theo quy định của Nhà nước dành cho các trường công lập. Ngoài ra hàng năm Học viện huy động các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm nhằm hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng không thuộc các đối tượng hưởng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước.
- Những thí sinh trúng tuyển và xác nhận nhập học (trở thành sinh viên Học viện) có kết quả tổng điểm 03 môn thi THPT năm 2026 đạt $\geq 24,0$ điểm hoặc được tuyển thẳng có cơ hội nhận được HỌC BỔNG (không bao gồm điểm ưu tiên).
- Sinh viên đạt kết quả học tập loại Giỏi Học kỳ I sẽ có cơ hội được xét duyệt và giới thiệu đi du học theo các chương trình học bổng của Nhà nước Việt Nam và của các đơn vị/tổ chức đối tác của Học viện trên thế giới; 100% sinh viên được giới thiệu đi thực tập, thực hành nghề nghiệp và có cơ hội làm việc tại Nga và các nước khác.
- 100% sinh viên đạt kết quả học tập học kỳ loại xuất sắc và kết quả rèn luyện loại tốt được trao học bổng khuyến khích học tập.

- Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa đầu ra của các khoá, các ngành và sinh viên tiêu biểu sẽ được giới thiệu tuyên dương các cấp, vinh danh trên Cổng thông tin việc làm của Học viện, được hỗ trợ tìm kiếm được các cơ hội việc làm phù hợp để phát huy năng lực.
- Sinh viên theo học các ngành trong danh mục Khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược được hưởng chính sách Học bổng theo quy định của Nhà nước.
- Sinh viên được đào tạo toàn diện về kỹ năng mềm qua các khóa học kỹ năng mềm, tuần sinh hoạt công dân; được tham gia các mô hình câu lạc bộ học thuật thuộc các Khoa/ngành như: CLB Công tác xã hội, Nghề luật, Hùng biện, Dân tộc thiểu số, Thanh niên hành động vì bình đẳng giới và phát triển bền vững; Nhiếp ảnh, Thiết kế, Tâm lý học, Vườn ươm doanh nhân, Tin học, Sách và Hành động, Du lịch... Bên cạnh đó là các CLB/Đội phong trào giúp sinh viên phát huy sở thích, tài năng: Đội Sinh viên tình nguyện, Đội Văn nghệ tiên phong, Đội Thanh niên vận động hiến máu, Đội Thanh niên xung kích, CLB Dance Bluewings, CLB Tiếng Anh, CLB Karate,...
- Sinh viên có cơ hội được tham gia các hoạt động thực tế tại Tòa án, doanh nghiệp, tổ chức, chương trình, cuộc thi trong và ngoài Học viện trên cả nước như Cuộc thi về luật, Cuộc thi tin học/an ninh mạng, Cuộc thi thiết kế/truyền thông,...
- Sinh viên được định hướng, tiếp cận các cơ hội việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo ngay khi theo học tại Học viện.
- Sinh viên có cơ hội học tập song song hai văn bằng cùng lúc tại Học viện.
- Sinh viên thường xuyên được tham gia Hội thảo khoa học cấp Khoa, cấp Học viện, cấp quốc gia, quốc tế có liên quan đến chuyên ngành đào tạo, các buổi nói chuyện chuyên đề do các chuyên gia đến từ các tổ chức, các trường đại học trong nước và quốc tế chia sẻ nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận nghề nghiệp, phát triển năng lực tư duy.

11. Thông tin về tuyển sinh đại học 02 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất (năm 2024, 2025) trên trang thông tin điện tử của Học viện: <http://hvpnv.vn.edu.vn/>, <https://tuyensinh.hvpnv.vn.edu.vn/>.

11.1. Phương thức tuyển sinh năm 2024 và năm 2025

– Học viện xét tuyển theo các phương thức sau:

* Năm 2024:

- + Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) – Mã 301.
- + Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Mã 200.
- + Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT – Mã 100.
- + Xét kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế – Mã 409.

+ Xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế – Mã 410.

* Năm 2025:

+ Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) – Mã 301.

+ Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Mã 200.

+ Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT- Mã 100.

+ Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức năm 2025 – Mã 402.

+ Sử dụng phương thức khác (áp dụng cho đối tượng dự bị đại học) – Mã 500.